TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-6-2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985;

Cư trú tại: Tổ 05, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1977;

Cư trú tại: Tổ 05, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, đến ngày 24/01/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn cãi vả với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên nhắn tin qua lại với vợ cũ và thường xuyên uống rượu say

xỉn, không đi làm phụ giúp vợ con, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi mà ngày càng bê tha rượu chè. Hiện nay, chị không thể tiếp tục chung sống cùng với anh S nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013, hiện đang sống với anh chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022 trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D về thời gian vợ chồng chung sống, đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ thỉnh thoảng cãi nhau do anh uống rượu, tuy nhiên anh vẫn đi làm phụ giúp chị D về kinh tế, công việc gia đình và vợ chồng hiện tại vẫn chung sống cùng với nhau. Chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý do anh còn tình cảm với chị D và mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị D về con chung là đúng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị D, anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Quốc K cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:* chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn S*: vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn S. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

+ Về con chung: giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N vào ngày 24/01/2011, giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011, quyển sổ 01/2011 (bút lục số 03). Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D, thấy rằng: chị D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Nguyễn Văn S là do anh S thường xuyên uống rượu say sỉn, không phụ giúp chị về kinh tế để chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài từ năm 2019 cho đến nay. Lời trình bày của chị D phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thể hiện: anh S là người nghiện rượu, không đủ sức khỏe để đi làm phụ giúp gia đình, mặc dù nhiều lần được chị D và gia đình anh S khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ với chị D nhưng anh không đưa ra được biện pháp để vợ chồng hòa giải, hàn gắn tình cảm và anh cũng không có thiện chí đến Tòa án để tham gia hòa giải với chị D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn S.

[3] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013, hiện đang sống với chị D, anh S. Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh S thống nhất giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con; tại biên bản lấy lời khai cháu K ngày 25/02/2022 (bút lục số 25), cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng chị D. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị D và anh S là hoàn toàn tự

nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng , giáo dục con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003730 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy